

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77CT/TCKT

"V/v: Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC
riêng do đơn vị tự lập và BCTC Hợp nhất kiểm
toán"

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Sông Đà 2 xin giải trình với Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về một vài số liệu thay đổi tại BCTC Hợp nhất năm 2020 do Công ty Cổ phần Sông Đà 2 lập và Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2020 sau khi kiểm toán như sau:

I. Tại Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối kế toán	Số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau khi được kiểm toán (1)	Số liệu trên Bảng cân đối kế toán do đơn vị tự lập (2)	Chênh lệch $3 = 1 - 2$
Tổng tài sản	504.028.709.560	500.995.448.206	3.033.261.354
Tiền mặt tại quỹ	2.382.028.672	2.707.604.524	-325.575.852
Phải thu ngắn hạn khách hàng	229.049.292.563	229.367.080.873	-317.788.310
Trả trước cho người bán	11.722.165.024	11.869.033.394	-146.868.370
Phải thu ngắn hạn khác	43.900.367.287	38.502.714.310	5.397.652.977

Tài sản thiếu chờ xử lý	3.157.359.034		3.157.359.034
Hàng tồn kho	185.419.844.557	183.209.656.450	2.210.188.107
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	3.276.440.450	3.934.273.064	-657.832.614
Phải thu dài hạn khác	1.660.797.801	1.670.797.801	10.000.000
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		5.931.262.938	- 5.931.262.938
Chi phí trả trước dài hạn	2.847.666.918	3.190.277.598	-342.610.680
Tổng nguồn vốn	504.028.709.560	500.995.448.206	3.033.261.354
Phải trả người bán ngắn hạn	75.416.729.203	76.168.508.983	-751.779.780
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47.361.773.344	47.074.650.244	287.123.100
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16.407.317.598	17.875.497.611	-1.468.180.013
Phải trả người lao động	8.669.420.680	8.704.996.532	-35.575.852
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.177.241.331		4.177.241.331
Phải trả ngắn hạn khác	19.439.181.260	19.374.396.561	64.784.699
Vay nợ và thuê tài chính	163.102.286.240	161.935.639.490	1.166.646.750

Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.227.102.179	1.569.712.859	-342.610.680
Vay nợ và thuê tài chính dài hạn	2.949.019.000	3.865.419.000	-916.400.000
Dự phòng phải trả dài hạn	1.100.981.937	245.354.990	855.626.947
Lợi nhuận chưa phân phối	-28.135.008.696	-28.131.393.548	-3.615.148

Nguyên nhân:

- Tiền mặt tại quỹ -325.575.852 đồng, do Chi nhánh của đơn vị chi một số khoản chi sót phát sinh trong năm.
- Phải thu ngắn hạn khách hàng -317.788.310 đồng, do đơn vị bù trừ với công nợ phải trả.
- Hàng tồn kho: 2.210.188.107, Kiểm toán điều chỉnh chi phí dở dang Công trình Hồ Xương Rồng, công trình Hòa Bình sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn 5.931.262.938 đồng, giá trị -464.689.229 đồng, Kiểm toán điều chỉnh chi phí dở dang trên mỏ đá Chi nhánh Trung Mầu; giá trị -99.026.568 đồng, kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế môi trường hạch toán 2 lần; giá trị -3.157.359.034 đồng, đơn vị điều chỉnh vật tư hao hụt sau kiểm kê sang tài sản thiếu chờ xử lý.
- Trả trước cho người bán ngắn hạn: -146.868.370 đồng, do đơn vị bù trừ với công nợ phải trả.
- Phải thu dài hạn: -10.000.000 đồng, kiểm toán điều chỉnh phần tiền tạm ứng lương sang giảm phải trả người lao động.
- Thuế GTGT được khấu trừ: -657.832,614 đồng, do đơn vị hạch toán bù trừ giá trị thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn : 5.931.262.938 đồng do Kiểm toán điều chỉnh chi phí dở dang công trình Hồ Xương Rồng, công trình Hòa Bình từ (TK 154) chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn sang TK 154 chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước -1.468.180.013, do đơn vị được giảm thuế theo quy định của luật thuế hiện hành -711.320.831 đồng, và đơn vị hạch toán bù trừ thuế GTGT đầu ra phải nộp và đầu vào được khấu trừ.



- Vay nợ và thuê tài chính: -1.166.646.750 đồng, do đơn vị chưa hạch toán điều chỉnh chênh lệch tỷ giá khoản vay -250.246.750 đồng, Kiểm toán điều chỉnh từ vay ngắn hạn, sang vay dài hạn -. 9.16.400.000.
- Vay nợ và thuê tài chính dài hạn: -916.400.000 đồng, do kiểm toán điều chỉnh giảm tách riêng phần lãi trong kỳ sang ngắn hạn.
- Dự phòng dài hạn: 855.626.947 đồng, do kiểm toán điều chỉnh từ phải trả ngắn hạn và dự phòng phải trả dài hạn.
- Lợi nhuận chưa phân phối : -342.610.680 đồng, do hạch toán lại chênh lệch tỷ giá khoản vay và đồng thời giảm chi phí thuế TNDN nên dẫn đến lợi nhuận tăng.

Tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi được kiểm toán	Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đơn vị tự lập	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	332.861.968.429	332.766.388.622	95.579.807
Giá vốn hàng bán	314.926.433.341	314.366.164.305	560.269.036
Chi phí tài chính	11.653.252.143	11.403.005.393	250.246.750
Thuế TNDN	1.659.748.064	2.371.069.435	-711.321.371
Lợi nhuận sau thuế	-23.654.743.140	- 23.651.127.992	-3.615.148

Nguyên nhân:

- Giá vốn hàng bán tăng do đơn vị hạch toán lại để giá trị dở dang chi phí cuối kỳ phù hợp với giá trị dở dang sản lượng cuối kỳ.
- Chi phí tài chính: 250.246.750 đồng, tăng do đơn vị chưa hạch toán đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ.

- Chi phí thuế TNDN: -711.321.371 đồng, do đơn vị được giảm thuế theo nghị định 114/2020/ NĐCP ngày 25/09/2020 quy định giảm 30% chi phí thuế TNDN cho đơn vị doanh thu giúorí 200 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế: -3.615.148 đồng, do thay đổi chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi tương ứng.

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi dẫn đến một số chỉ tiêu trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cũng chênh lệch và được điều chỉnh tương ứng.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về một vài số liệu thay đổi tại Báo cáo Tài Hợp nhất năm 2020 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính năm 2020 do đơn vị kiểm toán phát hành.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

